

PHIẾU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
(áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)

Kính gửi: Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế

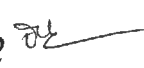
Tên bên mời thầu: Viện sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn.

Địa chỉ: Khu vực 8, Phường Nhơn Phú, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 056.3846571 Fax: 056.3846571

Đề nghị Báo đấu thầu đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu với nội dung như sau:

1. Tên dự án: Mua sắm hóa chất xét nghiệm, vật tư tiêu hao phục vụ khám chữa bệnh quý 3, quý 4 năm 2022 bằng nguồn thu dịch vụ kỹ thuật y tế năm 2022 của Viện Sốt rét- KST- CT Quy Nhơn.
2. Tên gói thầu: Gói 4: Hoá chất và vật tư dùng cho máy sinh hoá.
3. Số thông báo mời thầu: 20220690449 – 00.
4. Giá gói thầu: 693.256.788 đồng.
5. Giá trúng thầu: 693.171.162 đồng.
6. Nhà thầu trúng thầu: Công ty TNHH Thiết Bị Minh Tâm.
7. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
8. Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
9. Quyết định phê duyệt: Quyết định số: 173/QĐ-VSR ngày 25/7/2022 của Viện trưởng Viện Sốt rét-KST-CT Quy Nhơn.
10. Thông tin về các hàng hóa thuộc gói thầu:
(Phụ lục chi tiết kèm theo).

Bình Định, ngày 28 tháng 7 năm 2022 
VIỆN TRƯỞNG



Hồ Văn Hoàng

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Kèm theo phiếu đăng ký thông tin kết quả lựa chọn nhà thầu ngày 28 / 7 / 2022)

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Mã sản phẩm	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá	Ghi chú
1	Đo hoạt độ ALT (GPT)	- Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT: là trang thiết bị y tế thuộc nhóm 1. - Phân loại theo nghị định 98/2021/NĐ-CP: là trang thiết bị y tế thuộc loại B. - Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT ; dải đo: 3-500U/L; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. - Thành phần: L-Alanine 500 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH ≥ 1.8 kU/L; NADH 0.20 mmol/L; - Đóng gói: Được đựng trong hộp, mỗi hộp chứa 300ml, hạn sử dụng hàng hóa ≥ 12 tháng; - Trên hộp thể hiện thông tin: tên hàng hóa, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Có nhãn viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Mỗi hộp có tờ hướng dẫn sử dụng và cung cấp đầy đủ tất cả các dụng dịch đi kèm hộp hàng hóa.	hộp	OSR6107	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	22	3.515.400	
2	Đo hoạt độ AST (GOT)	- Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT: là trang thiết bị y tế thuộc nhóm 1. - Phân loại theo nghị định 98/2021/NĐ-CP: là trang thiết bị y tế thuộc loại B. - Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST ; dải đo: 3-1000 U/L ; Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. - Thành phần: L-aspartate 240 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH ≥ 0.9 kU/L; MDH ≥ 0.6 kU/L; NADH 0.20 mmol/L; - Đóng gói: Được đựng trong hộp, mỗi hộp chứa 200ml. hạn sử dụng hàng hóa ≥ 12 tháng;	hộp	OSR6109	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	22	3.503.850	

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Mã sản phẩm	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá	Ghi chú
		Trên hộp thể hiện thông tin: tên hàng hóa, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Có nhãn viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Mỗi hộp có tờ hướng dẫn sử dụng và cung cấp đầy đủ tất cả các dung dịch đi kèm hộp hàng hóa.						
3	Định lượng Bilirubin trực tiếp	- Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT: là trang thiết bị y tế thuộc nhóm 1. - Phân loại theo nghị định 98/2021/NĐ-CP: là trang thiết bị y tế thuộc loại B. Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp ; dải đo: 0–171 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: DPD, bước sóng 570 nM. - Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0.08 mmol/L. - Đóng gói: Được đựng trong hộp, mỗi hộp chứa 160ml. hạn sử dụng hàng hóa ≥ 08 tháng; Trên hộp thể hiện thông tin: tên hàng hóa, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Có nhãn viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Mỗi hộp có tờ hướng dẫn sử dụng và cung cấp đầy đủ tất cả các dung dịch đi kèm hộp hàng hóa.	hộp	OSR6211	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	1	7.563.150	
4	Định lượng Bilirubin toàn phần	- Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT: là trang thiết bị y tế thuộc nhóm 1. - Phân loại theo nghị định 98/2021/NĐ-CP: là trang thiết bị y tế thuộc loại B. Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Bilirubin ; dải đo: 0-513 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: DPD, bước sóng 540 nM. Thành phần: Caffeine 2.1 mmol/L; 3,5-dichlorophenyldiazonium tetrafluoroborate 0.31 mmol/L - Đóng gói: Được đựng trong hộp, mỗi hộp chứa 320ml. Hạn sử dụng hàng hóa ≥ 08 tháng;	hộp	OSR6212	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	1	6.560.400	

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Mã sản phẩm	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá	Ghi chú
		Trên hộp thể hiện thông tin: tên hàng hóa, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Có nhãn viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Mỗi hộp có tờ hướng dẫn sử dụng và cung cấp đầy đủ tất cả các dung dịch đi kèm hộp hàng hóa.						
5	Định lượng Cholesterol toàn phần	- Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT: là trang thiết bị y tế thuộc nhóm 1. - Phân loại theo nghị định 98/2021/NĐ-CP: là trang thiết bị y tế thuộc loại B. Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol ; dải đo: 0.5-18 mmol/L ; phương pháp: CHO-POD; bước sóng 540/600 nM. Thành phần: 4-Aminoantipyrine 0,31 mmol/L; Phenol 5,2 mmol/L; Cholesterol esterase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 μkat/L); Cholesterol oxidase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 μkat/L); - Đóng gói: Được đựng trong hộp, mỗi hộp chứa 180 ml. Hạn sử dụng hàng hóa ≥ 12 tháng; Trên hộp thể hiện thông tin: tên hàng hóa, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Có nhãn viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Mỗi hộp có tờ hướng dẫn sử dụng và cung cấp đầy đủ tất cả các dung dịch đi kèm hộp hàng hóa.	hộp	OSR6216	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	8	5.214.300	
6	Định lượng Creatinin	- Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT: là trang thiết bị y tế thuộc nhóm 1. - Phân loại theo nghị định 98/2021/NĐ-CP: là trang thiết bị y tế thuộc loại B. Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine ; dải đo: 5-2200 μmol/L ; phương pháp: Kinetic Jaffe, bước sóng 520/800 nM. Thành phần: Natri hydroxide 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L.	hộp	OSR6178	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	25	2.285.850	

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Mã sản phẩm	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá	Ghi chú
		- Đóng gói: Được đựng trong hộp, mỗi hộp chứa 408 ml. - Hạn sử dụng hàng hóa ≥ 12 tháng; Trên hộp thể hiện thông tin: tên hàng hóa, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Có nhãn viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Mỗi hộp có tờ hướng dẫn sử dụng và cung cấp đầy đủ tất cả các dung dịch đi kèm hộp hàng hóa.						
7	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	- Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT: là trang thiết bị y tế thuộc nhóm 3. - Phân loại theo nghị định 98/2021/NĐ-CP: là trang thiết bị y tế thuộc loại B. - Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT ; dải đo: 5-1200 U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. - Thành phần: Glycylglycine pH 7,7 (37°C) 150 mmol/L; L-γ-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 6 mmol/L - Đóng gói: Được đựng trong hộp, mỗi hộp chứa 320ml - Hạn sử dụng hàng hóa ≥ 11 tháng; Trên hộp thể hiện thông tin: tên hàng hóa, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Có nhãn viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Mỗi hộp có tờ hướng dẫn sử dụng và cung cấp đầy đủ tất cả các dung dịch đi kèm hộp hàng hóa.	hộp	OSR6120	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	7	4.936.050	
8	Định lượng Glucose	- Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT: là trang thiết bị y tế thuộc nhóm 1. - Phân loại theo nghị định 98/2021/NĐ-CP: là trang thiết bị y tế thuộc loại B. - Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose ; dải đo: 0.6-45 mmol/L ; phương pháp: Hexokinase, bước sóng 340 nM. - Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,6) 24,0 mmol/L, ATP $\geq 2,0$ mmol/L, Hexokinase $\geq 0,59$ kU/L, G6P-DH $\geq 1,58$ kU/L	hộp	OSR6221	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	7	4.944.450	

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Mã sản phẩm	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá	Ghi chú
		- Đóng gói: Được đựng trong hộp, mỗi hộp chứa 320ml - Hạn sử dụng hàng hóa ≥ 12 tháng; Trên hộp thể hiện thông tin: tên hàng hóa, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Có nhãn viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Mỗi hộp có tờ hướng dẫn sử dụng và cung cấp đầy đủ tất cả các dung dịch đi kèm hộp hàng hóa.						
9	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	- Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT: là trang thiết bị y tế thuộc nhóm 3. - Phân loại theo nghị định 98/2021/NĐ-CP: là trang thiết bị y tế thuộc loại B. - Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol ; dải đo: 0.05-4.65 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour). Thành phần: Kháng thể kháng β-lipoprotein ở người nồng độ thay đổi; Cholesterol esterase (CHE) 0,8 IU/mL; Cholesterol oxidase (CHO) 4,4 IU/mL; Peroxidase (POD) 1,7 IU/mL; Ascorbate Oxidase 2 IU/mL; F-DAOS 0,2 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,67 mmol/L - Đóng gói: Được đựng trong hộp, mỗi hộp chứa 273,6ml. - Hạn sử dụng hàng hóa ≥ 12 tháng; Trên hộp thể hiện thông tin: tên hàng hóa, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Có nhãn viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Mỗi hộp có tờ hướng dẫn sử dụng và cung cấp đầy đủ tất cả các dung dịch đi kèm hộp hàng hóa.	hộp	OSR6287	FUJIFILM Wako Pure Chemical Corporation, Nhật Bản sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Ai-len	3	18.846.450	

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Mã sản phẩm	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá	Ghi chú
10	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	- Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT: là trang thiết bị y tế thuộc nhóm 3. - Phân loại theo nghị định 98/2021/NĐ-CP: là trang thiết bị y tế thuộc loại B. - Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol ; dải đo: 0.26-10.3 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour (xét nghiệm màu sắc enzym). - Thành phần: Cholesterol esterase 3,7 IU/mL; Cholesterol oxidase 3,7 IU/mL; Peroxidase 4,9 IU/mL; Natri azit 0,1%; Dung dịch đệm của Good (pH 6,8) 25 mmol/L; 4-aminoantipyrine 0,8 mmol/L; Catalase 743 IU/mL; HDAOS 0,47 mmol/L; Chất tẩy rửa - Đóng gói: Được đựng trong hộp, mỗi hộp chứa 273,6ml. - Hạn sử dụng hàng hóa ≥ 12 tháng; - Trên hộp thể hiện thông tin: tên hàng hóa, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Có nhãn viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Mỗi hộp có tờ hướng dẫn sử dụng và cung cấp đầy đủ tất cả các dụng dịch đi kèm hộp hàng hóa.	hộp	OSR6283	FUJIFILM Wako Pure Chemical Corporation, Nhật Bản sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Ai-len	3	32.873.400	
11	Định lượng Triglycerid	- Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT: là trang thiết bị y tế thuộc nhóm 1. - Phân loại theo nghị định 98/2021/NĐ-CP: là trang thiết bị y tế thuộc loại B. - Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride ; dải đo: 0.1-11.3 mmol/L; phương pháp: GPO-POD; bước sóng 660/800 nM. - Thành phần: 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/L; Lipases 1.5 kU/L (25 μkat/L); Glycerol kinase 0.5 kU/L (8.3 μkat/L); Peroxidase 0.98 kU/L (16.3 μkat/L); Ascorbate oxidase 1.48	hộp	OSR61118	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	10	6.178.200	

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Mã sản phẩm	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá	Ghi chú
		kU/L (24.6 μkat/L); Glycerol-3-phosphate oxidase 1.48 kU/L (24.6 μkat/L); - Đóng gói: Được đựng trong hộp, mỗi hộp chứa 250ml. - Hạn sử dụng hàng hóa ≥ 12 tháng; Trên hộp thể hiện thông tin: tên hàng hóa, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Có nhãn viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Mỗi hộp có tờ hướng dẫn sử dụng và cung cấp đầy đủ tất cả các dung dịch đi kèm hộp hàng hóa.						
12	Định lượng Ure	- Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT: là trang thiết bị y tế thuộc nhóm 1. - Phân loại theo nghị định 98/2021/NĐ-CP: là trang thiết bị y tế thuộc loại B. - Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen ; dải đo: 0.8-50 mmol/L ; phương pháp: Urease/GLDH . Thành phần: NADH ≥ 0.26 mmol/L; 2-Oxoglutarate ≥ 9.8 mmol/L ;Urease ≥ 17.76 kU/L; GLDH ≥ 0.16 kU/L - Đóng gói: Được đựng trong hộp, mỗi hộp chứa 424ml . - Hạn sử dụng hàng hóa ≥ 07 tháng; Trên hộp thể hiện thông tin: tên hàng hóa, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Có nhãn viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Mỗi hộp có tờ hướng dẫn sử dụng và cung cấp đầy đủ tất cả các dung dịch đi kèm hộp hàng hóa.	hộp	OSR6234	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	8	6.679.050	

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Mã sản phẩm	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá	Ghi chú
13	Định lượng Acid Uric	- Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT: là trang thiết bị y tế thuộc nhóm 1. - Phân loại theo nghị định 98/2021/NĐ-CP: là trang thiết bị y tế thuộc loại B. - Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid ; dải đo: 89-1785 umol/L ; phương pháp: Uricase/POD . - Thành phần:MADB 0.15 mmol/L;4-Aminophenazone 0.30 mmol/L; Peroxidase ≥ 5.9 kU/L (98 μkat/L); Uricase ≥ 0.25 kU/L (4.15 μkat/L);Ascorbate Oxidase≥ 1.56 kU/L (26 μkat/L) . - Đóng gói: Được đựng trong hộp, mỗi hộp chứa 240ml - Hạn sử dụng hàng hóa ≥ 09 tháng; Trên hộp thể hiện thông tin: tên hàng hóa, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Có nhãn viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Mỗi hộp có tờ hướng dẫn sử dụng và cung cấp đầy đủ tất cả các dung dịch đi kèm hộp hàng hóa.	hộp	OSR6298	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	4	7.554.750	
14	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	- Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT: là trang thiết bị y tế thuộc nhóm 1. - Phân loại theo nghị định 98/2021/NĐ-CP: là trang thiết bị y tế thuộc loại A. - Thành phần bao gồm: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5% - Đóng gói: 5 lít/bình. - Hạn sử dụng hàng hóa ≥ 12 tháng; Trên hộp thể hiện thông tin: tên hàng hóa, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Có nhãn viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Mỗi hộp có tờ hướng dẫn sử dụng và cung cấp đầy đủ	bình	ODR2000	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	8	3.573.717	

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Mã sản phẩm	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá	Ghi chú
		tất cả các dung dịch đi kèm hộp hàng hóa.						
15	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	- Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT: là trang thiết bị y tế thuộc nhóm 3. - Phân loại theo nghị định 98/2021/NĐ-CP: là trang thiết bị y tế thuộc loại B. Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người). Đóng gói: 2 x 3ml. - Hạn sử dụng hàng hóa ≥ 12 tháng; Trên hộp thể hiện thông tin: tên hàng hóa, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Có nhãn viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Mỗi hộp có tờ hướng dẫn sử dụng và cung cấp đầy đủ tất cả các dung dịch đi kèm hộp hàng hóa.	hộp	ODC0011	FUJIFILM Wako Pure Chemical Corporation, Nhật Bản sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Ai-len	2	5.472.600	
16	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL	- Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT: là trang thiết bị y tế thuộc nhóm 3. - Phân loại theo nghị định 98/2021/NĐ-CP: là trang thiết bị y tế thuộc loại B. Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa LDL-Cholesterol (người). Đóng gói: 2x1 ml. - Hạn sử dụng hàng hóa ≥ 10 tháng; Trên hộp thể hiện thông tin: tên hàng hóa, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Có nhãn viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Mỗi hộp có tờ hướng dẫn sử dụng và cung cấp đầy đủ tất cả các dung dịch đi kèm hộp hàng hóa.	hộp	ODC0012	FUJIFILM Wako Pure Chemical Corporation, Nhật Bản sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Ai-len	2	6.437.550	

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Mã sản phẩm	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá	Ghi chú
17	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	- Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT: là trang thiết bị y tế thuộc nhóm 4. - Phân loại theo nghị định 98/2021/NĐ-CP: là trang thiết bị y tế thuộc loại B. - Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người) - Đóng gói: 1 lọ 5ml/hộp. - Hạn sử dụng hàng hóa ≥ 12 tháng; Trên hộp thể hiện thông tin: tên hàng hóa, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Có nhãn viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Mỗi hộp có tờ hướng dẫn sử dụng và cung cấp đầy đủ tất cả các dung dịch đi kèm hộp hàng hóa.	hộp	ODC0005	SERO AS, Na Uy sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Ai-len	2	737.793	
18	Lõi lọc thô 1 micron	Sợi bông PP kích thước khe lọc khoảng 1 micron. Đóng gói: 1 cái/hộp. Trên hộp thể hiện thông tin: tên hàng hóa, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Có nhãn viết bằng tiếng Việt. Mỗi hộp có tờ hướng dẫn sử dụng và cung cấp đầy đủ tất cả các dụng cụ đi kèm hộp hàng hóa.	Cái	PP10" - 1M Rotek-vn	Purerite/Đài Loan	30	47.142	
19	Lõi lọc thô 5 micron	Sợi bông PP kích thước khe lọc khoảng 5 micron. Đóng gói: 1 cái/hộp. Trên hộp thể hiện thông tin: tên hàng hóa, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng. Có nhãn viết bằng tiếng Việt. Mỗi hộp có tờ hướng dẫn sử dụng và cung cấp đầy đủ tất cả các dụng cụ đi kèm hộp hàng hóa.	Cái	PP10" - 5M Rotek-vn	Purerite/Đài Loan	15	47.142	